

GIÁO DỤC NGHỆ THUẬT TRONG NHÀ TRƯỜNG: CƠ SỞ LÝ LUẬN KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ ĐỀ XUẤT CHO NGHỆ THUẬT MÚA DÂN GIAN DÂN TỘC KINH Ở VIỆT NAM

Huỳnh Hồng Diễm¹

Tóm tắt: Bài viết tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế về giáo dục nghệ thuật trong nhà trường, từ đó đề xuất giải pháp giáo dục nghệ thuật múa dân gian dân tộc Kinh tại Việt Nam. Tác giả cho rằng giáo dục nghệ thuật ngày càng trở nên cấp thiết trong bối cảnh khán giả của các loại hình nghệ thuật truyền thống suy giảm. Giáo dục nghệ thuật được tiếp cận dưới hai mệnh đề: giáo dục về nghệ thuật và giáo dục thông qua nghệ thuật, với các chức năng trọng tâm là nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ. Bài viết khái quát thực trạng giáo dục nghệ thuật ở Việt Nam thông qua hoạt động của các nhà hát công lập tại Hà Nội và TP. HCM. Một số chương trình sân khấu học đường đã được triển khai bước đầu tạo cơ hội cho học sinh tiếp cận nghệ thuật biểu diễn truyền thống. Tuy nhiên, hoạt động giáo dục nghệ thuật còn thiếu đồng bộ, thiếu chiến lược dài hạn, hạn chế về kinh phí và chưa có chương trình dành cho múa dân gian dân tộc trong trường học. Tác giả đối chiếu với kinh nghiệm các nước như Nhật Bản, Hàn Quốc, Anh và Hoa Kỳ và chỉ ra sự khác biệt về chiến lược, đầu tư và tổ chức thực hiện. Từ đó, bài viết rút ra 5 bài học kinh nghiệm và đề xuất quy trình 3 giai đoạn gồm 9 bước dạy múa dân gian dân tộc Kinh trong trường trung học cơ sở nhằm góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc.

Từ khoá: dân gian; dân tộc; giáo dục nghệ thuật; múa dân gian.

1. MỞ ĐẦU

Ở Việt Nam, thuật ngữ giáo dục nghệ thuật xuất hiện trên diễn đàn khoa học xã hội và nhân văn muộn hơn các thuật ngữ văn hoá khác, cũng muộn hơn so với các nước phương Tây. Thuật ngữ này bắt đầu hiện diện và xuất hiện thường xuyên hơn khi mà các nhà quản lý, nhà nghiên cứu và nhiều nghệ sĩ nhận thấy rằng lượng công chúng khán giả quan tâm – bị thu hút bởi các loại hình nghệ thuật truyền thống suy giảm rất mạnh. Hệ lụy của thực trạng đó là nhiều loại hình nghệ thuật truyền thống như Chèo, Tuồng, Cải lương đã rất chật vật, khó khăn trong việc duy trì và phát triển. Bởi đơn giản bất kỳ loại hình nghệ thuật nào thì đích đến cuối cùng cũng là phục vụ công chúng – khán giả. Vì vậy, nếu không còn khán giả, thì tất yếu loại hình nghệ thuật đó không còn lý do, cơ sở để tồn tại, họa chăng chỉ còn là ký ức của cộng đồng, hoặc dưới các dạng thức bảo tồn

¹ Trường Múa Thành phố Hồ Chí Minh

nào đó trong các kho lưu trữ, bảo tàng,...

Cùng với sự phát triển của hoạt động giáo dục nghệ thuật trong nước và trên thế giới, những cơ sở lý luận của việc đó cũng dần được hình thành và bồi đắp ngày càng hoàn thiện để làm cơ sở lý thuyết cho các công trình nghiên cứu thực tiễn, các hoạt động giáo dục nghệ thuật ở nhiều quốc gia khác nhau. Thông qua việc đề xuất quy trình 9 bước – 3 giai đoạn dạy múa dân gian dân tộc Kinh trong trường học cấp 2 ở Việt Nam, tác giả bài viết mong muốn góp phần nhỏ vào việc xây dựng giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật múa của dân tộc.

Mục tiêu của bài viết này nhằm đóng góp vào hệ thống lý luận về giáo dục nghệ thuật trong nhà trường ở Việt Nam thông qua đề xuất quy trình 3 giai đoạn gồm 9 bước để triển khai hoạt động giáo dục nghệ thuật múa dân gian dân tộc Kinh. Đồng thời, nếu việc ứng dụng quy trình này vào hoạt động giáo dục nghệ thuật trong nhà trường ở Việt Nam nói chung cũng sẽ có những giá trị thực tiễn trong việc góp phần nâng cao chất lượng công tác giáo dục nghệ thuật ở Việt Nam hiện nay.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Lý luận về giáo dục nghệ thuật trong nhà trường

Ở Việt Nam và trên thế giới, những nhà nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, những nhà quản lý nhà hát, quản lý nghệ thuật có nhiều cách xác định nội hàm của khái niệm “giáo dục nghệ thuật”. Hơn nữa, cùng với lịch sử phát triển của các ngành khoa học xã hội, khái niệm này cũng có nhiều thay đổi cho phù hợp. Tuy nhiên, trên bình diện chung ở quốc tế hiện nay, phần đông thừa nhận rằng “Giáo dục nghệ thuật có mục đích chuyển giao di sản văn hoá nghệ thuật cho các thế hệ, làm cho đối tượng giáo dục có khả năng tạo dựng ngôn ngữ nghệ thuật riêng và phát triển toàn diện về nhận thức và tình cảm. Do đó, giáo dục nghệ thuật tác động đến đối tượng giáo dục ở các khía cạnh học thuật và nhân cách”. Hay nói cách khác, “giáo dục nghệ thuật là các hoạt động giáo dục liên quan đến nghệ thuật, hoặc coi nghệ thuật như đích đến hoặc sử dụng nghệ thuật như một phương tiện, công cụ trung gian. Có thể hiểu đó là các hoạt động giáo dục lấy nghệ thuật làm trung tâm hoặc kết hợp, lồng ghép nghệ thuật trong hoạt động giáo dục (Phạm Bích Huyền, 2017, tr.17-18).

Từ khái niệm trên có thể thấy khi nói đến giáo dục nghệ thuật sẽ bao gồm hai mệnh đề có tính độc lập tương đối và tương tác với nhau. *Một là* giáo dục cho một nhóm đối tượng cụ thể hiểu biết về một loại hình nghệ thuật nào đó. Với mệnh đề này, thì những tri thức, đặc điểm, thuộc tính của loại hình nghệ thuật đó sẽ là đối tượng trọng tâm cần được mở sê, phân tách để giúp người học hiểu rõ hơn về nó. Trong khi đó, người học sẽ trở thành đối tượng tiếp nhận những tri thức, kiến thức về loại hình nghệ thuật đó. *Hai là*

thông qua một loại hình nghệ thuật nào đó để chuyển tải đến một nhóm công chúng cụ thể những thông điệp có giá trị tư tưởng nhân văn được đông đảo thành viên trong xã hội, cộng đồng thừa nhận và thực hành theo như đạo đức – lối sống, lòng yêu nước, chủ nghĩa anh hùng, sự hiếu thảo, lòng chung thủy,... Nói một cách ngắn gọn hơn đó là “Giáo dục thông qua nghệ thuật” (Phạm Bích Huyền, 2017, tr.19). Với mệnh đề này, các loại hình nghệ thuật trở thành “vật chủ” có vai trò, chức năng “chuyên chở” các giá trị tư tưởng mà người sáng tạo nghệ thuật như tác giả, đạo diễn, diễn viên muốn đưa đến với công chúng. Nói về hàm ý này, Lê Thị Hoài Phương (2019) đã phát biểu rằng “Sự học hỏi thông qua nghệ thuật có thể đóng vai trò cơ bản trong phát triển tư chất cá nhân bằng việc giúp họ phát triển trí tưởng tượng và các kỹ năng cảm nhận và nhận thức của mình” (tr.46). Theo tôi, chúng ta nên xem đó là 02 mệnh đề, đồng thời tồn tại song trùng trong cùng một hệ khái niệm “giáo dục nghệ thuật” thay vì cho rằng có hai cách hiểu về giáo dục nghệ thuật như một số nhà nghiên cứu ở Việt Nam có đề cập hiện nay. Đó cũng là tinh thần lý luận mà tôi chọn làm cơ sở của những vấn đề có tính chất thực tiễn trong bài viết này.

Từ việc xác định “giáo dục nghệ thuật” là khái niệm có nội hàm đồng thời 02 mệnh đề như trên, chúng ta có thể thấy hoạt động giáo dục nghệ thuật có nhiều chức năng cơ bản. Trong đó, chức năng nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ là cơ bản, trọng tâm nhất (Phạm Bích Huyền, 2017, tr.21 - 23). Thông qua hoạt động giáo dục nghệ thuật, công chúng sẽ có cơ hội để mở rộng tầm hiểu biết của mình về một hoặc một số loại hình nghệ thuật nào đó. Những khối kiến thức về một loại hình nghệ thuật mà công chúng có cơ hội để lĩnh hội từ giáo dục nghệ thuật lịch sử ra đời và những biến động của nó; đặc điểm nghệ thuật, giá trị nhân văn thông qua ý nghĩa của các ký hiệu học văn hoá gắn với loại hình nghệ thuật đó. Ở một khía cạnh khác của chức năng này là thông qua giáo dục nghệ thuật, công chúng sẽ nhận thức được những quy luật khách quan của đời sống xã hội của con người, thậm chí có thể khơi gợi, làm “hồi sinh” những giá trị của lương tri con người vốn tồn tại trong tâm hồn, trái tim của con người mà vì một lý do nào đó bị “đóng băng” hoặc “ngủ quên”, “che lấp”. Tức là khi đó, nghệ thuật đã giúp con người biết thối thức trước cái thiện, rơi lệ trước cái ác, cái xấu, cái bần tiện của xã hội. Khi đó, con người nhận thức chính mình và chính những gì xung quanh cuộc đời mình. Đây là chức năng cao cả, quý trọng nhất của nghệ thuật mà chúng ta cần phải hướng đến. Đó cũng là lý do vì sao cần phải nỗ lực giáo dục nghệ thuật, trong đó có nghệ thuật múa dân gian dân tộc. Vì đó là cách giúp con người sống tốt hơn, lương thiện hơn, nhân văn hoá.

Từ những lý luận về “giáo dục nghệ thuật” trên chúng ta sẽ thấy khái niệm “giáo dục nghệ thuật” được sử dụng với những cách hiểu khác nhau. Dưới đây là các điểm khác biệt cơ bản.

(i) Về mục đích: Có quan niệm nhấn mạnh giáo dục nghệ thuật nhằm chuyển giao đi

sản văn hóa nghệ thuật cho các thế hệ, giúp người học hiểu biết về lịch sử, đặc điểm và giá trị của các loại hình nghệ thuật. Trong khi đó, cũng có cách hiểu khác lại coi giáo dục nghệ thuật là hoạt động giúp người học phát triển ngôn ngữ nghệ thuật riêng, năng lực cảm thụ và tư duy thẩm mỹ. Mặt khác, xem giáo dục nghệ thuật là con đường để chuyển tải các giá trị tư tưởng, đạo đức và nhân văn trong đời sống cũng là một quan niệm khác về “giáo dục nghệ thuật”. Tác giả bài viết này vận dụng đồng thời 03 quan điểm về mục đích của “giáo dục nghệ thuật” đối với việc giáo dục nghệ thuật múa dân gian dân tộc Kinh trong nhà trường.

(ii) Về vị trí của nghệ thuật trong chương trình giáo dục nghệ thuật: Có nhà nghiên cứu cho rằng nghệ thuật phải là đối tượng trung tâm của quá trình/chương trình/hoạt động giáo dục nghệ thuật. Song cũng có quan điểm xem nghệ thuật như phương tiện để giáo dục, tức là “giáo dục thông qua nghệ thuật” – hay nói cách khác dùng nghệ thuật để giáo dục. Tác giả bài viết này vận dụng đồng thời 02 quan điểm về vị trí của nghệ thuật trong hoạt động “giáo dục nghệ thuật” đối với việc giáo dục nghệ thuật múa dân gian dân tộc Kinh trong nhà trường.

2.2. Khái quát hoạt động giáo dục nghệ thuật ở Việt Nam và trên thế giới

2.2.1. Hoạt động giáo dục nghệ thuật trong nhà trường ở Việt Nam

Thực tế ở Việt Nam, nhiều đơn vị nghệ thuật công, nhất là những nhà hát lớn đã đầu tư nguồn lực để thực hiện các chương trình giáo dục nghệ thuật. Mục tiêu trọng tâm của những chương trình đó là nhằm phát triển khán giả trẻ cho các loại hình nghệ thuật truyền thống, từ đó xây dựng được cơ sở vững bền cho công tác bảo tồn, phát huy những giá trị nghệ thuật sân khấu truyền thống quý giá của dân tộc. Dưới đây là một số ví dụ điển hình ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ở Thủ đô Hà Nội:

Đây là địa phương có nhiều nhà hát công lập lớn, có lịch sử lâu đời nhất Việt Nam như: Nhà hát Tuồng Việt Nam, Nhà hát Chèo Việt Nam, Nhà hát Cải lương Việt Nam, Nhà hát Múa rối Việt Nam, Nhà hát Kịch Việt Nam, Nhà hát Tuổi trẻ, Nhà hát Ca Múa Nhạc Việt Nam, Nhà hát Nhạc vũ kịch Việt Nam, Dàn nhạc Giao hưởng Việt Nam và Liên đoàn Xiếc Việt Nam. Theo công bố kết quả nghiên cứu của Phạm Bích Huyền (2017), trong những năm gần đây, các đơn vị nghệ thuật công lập ở Hà Nội đã thực hiện hoạt động giáo dục nghệ thuật với 03 dạng thức chính theo mức độ tăng dần của các hoạt động trực tiếp và chủ đích giới thiệu về nghệ thuật biểu diễn là: (i) Tổ chức biểu diễn nghệ thuật thuần túy nhằm phục vụ khán giả với mong muốn tạo cơ hội để công chúng tiếp cận và làm quen với các loại hình nghệ thuật biểu diễn mà họ quan tâm; (ii) Tổ chức biểu diễn nghệ thuật kèm chương trình giới thiệu về loại hình nghệ thuật được biểu diễn,

nhưng mục đích chính của đơn vị tổ chức vẫn là biểu diễn nghệ thuật để phục vụ công chúng, chương trình giới thiệu chỉ là “món phụ” theo kiểu “Khai vị hoặc tráng miệng”; (iii) Chương trình được thiết kế với mục đích chính là giáo dục nghệ thuật cho công chúng nên phần trọng tâm của cuộc diễn sẽ giới thiệu về nghệ thuật được biểu diễn và giao lưu với khán giả, phần biểu diễn được cấu trúc vào chương trình chỉ để thuyết minh cho các nội dung của buổi giới thiệu (tr.92-93).

Tuy nhiên, không phải đơn vị nghệ thuật công lập nào ở Hà Nội cũng thực hiện đồng thời 03 dạng thức giáo dục nghệ thuật trên. Theo Phạm Bích Huyền (2017), thực tế tổ chức các hoạt động giáo dục nghệ thuật tại 10 đơn vị nghệ thuật công lớn nhất ở Hà Nội như sau:

Stt	Đơn vị	Các dạng thức giáo dục nghệ thuật		
		Thuần túy là biểu diễn	Biểu diễn nghệ thuật là chính, giới thiệu là phụ	Giới thiệu nghệ thuật là chính, biểu diễn là phụ
1.	Nhà hát Tuồng Việt Nam	x	x	x
2.	Nhà hát Chèo Việt Nam	x	x	
3.	Nhà hát Cải lương Việt Nam	x		
4.	Nhà hát Múa rối Việt Nam	x	x	
5.	Nhà hát Kịch Việt Nam	x		
6.	Nhà hát Tuổi trẻ	x	x	x
7.	Nhà hát Ca Múa Nhạc Việt Nam	x	x	
8.	Nhà hát Nhạc vũ kịch Việt Nam	x		x
9.	Dàn nhạc Giao hưởng Việt Nam	x	x	
10.	Liên đoàn Xiếc Việt Nam	x		

Nguồn: Phạm Bích Huyền, 2017, tr. 93-94

Như vậy, kết quả nghiên cứu của Phạm Bích Huyền cho thấy trong tổng số 10 đơn vị sự nghiệp nghệ thuật công lớn nhất ở Hà Nội được khảo sát, có 02 đơn vị thực hiện đồng thời 03 dạng thức giáo dục nghệ thuật (chiếm 20%), 5 đơn vị thực hiện giáo dục nghệ thuật 02 trong 03 dạng thức (chiếm 50%), và có 03 đơn vị chỉ thực hiện giáo dục

nghệ thuật ở dạng thức 01 (chiếm 30%). Kết quả này cho thấy tùy vào điều kiện về nguồn lực, quan điểm quản lý nhà hát, đặc thù của từng loại hình nghệ thuật cũng như mức độ suy giảm khán giả mà các đơn vị nghệ thuật có sự chọn lựa các dạng thức giáo dục nghệ thuật khác nhau. Tuy nhiên, nó cũng cho thấy phần nào mức độ quan tâm trong việc giáo dục nghệ thuật của lãnh đạo các nhà hát được nghiên cứu.

- Ở Thành phố Hồ Chí Minh:

Đây là địa phương có số lượng và quy mô đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp công lập chỉ xếp sau thủ đô Hà Nội với 07 đơn vị là: Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang, Nhà hát Giao hưởng – Nhạc, Vũ kịch; Nhà hát Ca múa nhạc Dân tộc Bông Sen, Nhà hát Kịch Thành phố, Nhà hát Nghệ thuật Phương Nam, Nhà hát Nghệ thuật Hát Bội Thành phố, Trung tâm Ca Nhạc Nhẹ Thành phố.

Xét về chủ trương tổ chức các hoạt động giáo dục nghệ thuật, trong *Kế hoạch triển khai thực hiện chiến lược phát triển bền vững Việt Nam trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020*, chính quyền TP. HCM nhấn mạnh giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; tạo điều kiện cho người dân hưởng thụ các sản phẩm văn hóa có giá trị thẩm mỹ cao; từng bước nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của người dân, đặc biệt là ngoại thành. Trong *Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 45-CTr/TU của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*, Thành phố cũng đặt ra công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực văn hóa; tăng cường giáo dục nghệ thuật, nâng cao thị hiếu thẩm mỹ cho Nhân dân; khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới; đầu tư xây dựng kịch bản hay góp phần định hướng nhu cầu hưởng thụ và sáng tạo văn học nghệ thuật trong Nhân dân. Đến năm 2020, Sở VH & TT TP. HCM ban hành Kế hoạch số 3442/KH-SVHTT về *Hoạt động biểu diễn phục vụ thiếu nhi năm 2020 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh* nhằm tăng cường biểu diễn nghệ thuật phục vụ thiếu nhi, qua đó tăng cường giáo dục văn hóa, lịch sử; khuyến khích sáng tạo, góp phần hoàn thiện nhân cách cho thiếu nhi. Kế hoạch này cũng đặt ra việc duy trì thường xuyên hoạt động biểu diễn phục vụ thiếu nhi; xây dựng các chương trình phải có nội dung vừa giải trí, vừa mang tính giáo dục; hình thức phong phú, hấp dẫn; tạo không gian, cơ hội tương tác cho thiếu nhi với hoạt động biểu diễn nghệ thuật; chú trọng đầu tư trang trí sân khấu, thiết bị kỹ thuật; kết hợp biểu diễn nhiều loại hình nghệ thuật phù hợp với lứa tuổi thiếu nhi như vẽ tranh, tô tượng, trình diễn Flashmop, thể thao cổ động,...

Riêng đối với nghệ thuật sân khấu Cải lương, Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc thực hiện các chương trình giáo dục nghệ thuật sân khấu Cải lương. Năm 2015, Nhà hát đề ra kế hoạch xây dựng Đề án *Sân khấu học*

đường. Đến năm 2019, Nhà hát tiếp tục đề xuất Sở VH & TT TP. HCM đầu tư kinh phí để đặt hàng tác giả viết kịch bản Cải lương phục vụ riêng cho đối tượng là học sinh, sinh viên. Đến quý 4/2020, thực hiện phân công của Sở VH & TT, Nhà hát tổ chức biểu diễn 05 suất tại các trường THCS, THPT trên địa bàn Thành phố với tên gọi “Sân khấu học đường”. Chương trình dài 90 phút với các nội dung trích đoạn Cải lương về các anh hùng trong lịch sử; hát Ca cổ, Đờn ca Tài tử có nội dung ngợi ca quê hương, đất nước, con người; giao lưu với học sinh các nội dung về lịch sử, giá trị nghệ thuật Cải lương, Đờn ca Tài tử. Tuy nhiên, do kinh phí đầu tư trung bình mỗi chương trình còn hạn chế, nên Nhà hát rất hạn chế sáng tác, dàn dựng chương trình mới. Cũng trong năm 2020, thực hiện *Kế hoạch số 3442/KH-SVHTT của Sở VH & TT về Hoạt động biểu diễn phục vụ thiếu nhi năm 2020 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*, Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang chịu trách nhiệm chủ trì phối hợp tổ chức các suất diễn tại Trung tâm Thành phố (Địa điểm tại Rạp Hưng Đạo); chuẩn bị sân khấu, trang trí sân khấu cho những suất diễn tại quận, huyện do các đơn vị khác tổ chức; tổ chức 09 suất diễn Cải lương. Thời lượng mỗi chương trình 90 phút. Thời điểm tổ chức là các buổi sinh hoạt ngoại khóa, sau tiết học cuối ngày. Chương trình gồm các tiết mục: ca cảnh thiếu nhi kết hợp múa, xiếc; dạy hát lòng bản bài bản văn Cải lương; diễn trích đoạn Cải lương, kết hợp trò chơi có thưởng (Nguyễn Hồ Phong, 2022, tr.94-95).

Xét về chủ trương cũng như thực tế, hoạt động giáo dục nghệ thuật trong nhà trường các đơn vị nghệ thuật công – đại diện là Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang bước đầu được triển khai. Nhưng thực tế hiệu quả còn hạn chế do vấn đề kinh phí và sự năng động, chủ động của các đơn vị nghệ thuật công. Mặt khác, qua quan sát thực tế của bản thân tác giả bài viết này – là một diễn viên, giáo viên dạy múa hơn 25 năm thì hầu như TP. HCM chưa có bất kỳ một chương trình giáo dục nghệ thuật múa dân gian dân tộc nào tại các trường học trên địa bàn Thành phố. Điều này là một rủi ro, thiệt thòi cho nghệ thuật múa dân gian dân tộc trong việc tìm chỗ đứng trong lòng công chúng Thành phố trước sự cạnh tranh rất mạnh mẽ của các loại hình nghệ thuật, giải trí hiện đại khác.

Những nghiên cứu ban đầu về hoạt động giáo dục nghệ thuật trên về cơ bản đã có những thành tựu sau:

- Trong những năm gần đây, hoạt động giáo dục nghệ thuật đã được nhiều nhà hát và đơn vị nghệ thuật công lập tại Hà Nội và TP.HCM quan tâm thực hiện với những cách tiếp cận khác nhau. Tại Hà Nội, 10 nhà hát lớn đều triển khai ít nhất một dạng thức giáo dục nghệ thuật cho công chúng, từ biểu diễn thuần túy đến tổ chức biểu diễn kết hợp giới thiệu kiến thức nghệ thuật. Điều này cho thấy giáo dục nghệ thuật ở Việt Nam đã có bước khởi động nghiêm túc, góp phần đưa nghệ thuật đến gần hơn với khán giả, đặc biệt là thế hệ trẻ.

- Một số đơn vị nghệ thuật ở Hà Nội đã thiết kế chương trình giáo dục nghệ thuật theo hướng lấy giáo dục làm mục tiêu trọng tâm, tăng cường giao lưu, thuyết minh, hướng dẫn cảm thụ nghệ thuật cho khán giả. Theo nghiên cứu của Phạm Bích Huyền (2017), có 2/10 đơn vị nghệ thuật công lập thực hiện đồng thời cả ba dạng thức giáo dục nghệ thuật. Điều này cho thấy bước đầu đã có sự chủ động, linh hoạt trong phương thức tiếp cận và nhận thức đúng đắn về vai trò giáo dục của nghệ thuật đối với xã hội Việt Nam.

- Giáo dục nghệ thuật từng bước được chính quyền địa phương đưa vào chương trình, kế hoạch phát triển văn hóa của chính quyền địa phương. Điển hình như tại TP. HCM, giáo dục nghệ thuật đã được đưa vào nhiều văn bản chỉ đạo và kế hoạch của Đảng bộ và chính quyền Thành phố nhằm nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân. Chương trình hành động số 45-CTr/TU hay Kế hoạch 3442/KH-SVHTT năm 2020 đã tạo cơ sở chính sách để triển khai biểu diễn nghệ thuật phục vụ thiếu nhi, đào tạo thẩm mỹ nghệ thuật trong nhà trường và cộng đồng. Đây là dấu hiệu tích cực cho thấy giáo dục nghệ thuật đã bắt đầu có sự định hướng và hỗ trợ từ phía cơ quan quản lý nhà nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm thì công tác giáo dục nghệ thuật ở Việt Nam vẫn còn một số hạn chế. Điển hình như:

- Quy mô triển khai còn nhỏ lẻ, thiếu tính đồng bộ giữa các đơn vị nghệ thuật. Hoạt động giáo dục nghệ thuật tuy đã được thực hiện nhưng chủ yếu mang tính tự phát và tùy thuộc nguồn lực từng đơn vị, từng địa phương. Ngay tại Hà Nội, trong số 10 nhà hát lớn chỉ có 20% đơn vị thực hiện đầy đủ cả ba dạng thức giáo dục nghệ thuật. Nhiều đơn vị chỉ dừng lại ở biểu diễn thuần túy phục vụ khán giả mà chưa chú trọng đến định hướng thẩm mỹ hay giáo dục nghệ thuật một cách hệ thống. Điều này phản ánh tính thiếu đồng bộ và chưa có chương trình tổng thể ở tầm ngành văn hóa.

- Hiệu quả triển khai chưa cao do hạn chế về kinh phí và nguồn lực tổ chức. Thực tiễn tại TP. HCM cho thấy hoạt động giáo dục nghệ thuật dù có chủ trương và kế hoạch, nhưng chất lượng triển khai còn hạn chế. Chương trình “Sân khấu học đường” của Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang chỉ dừng ở mức tổ chức biểu diễn giới thiệu cơ bản, không có điều kiện sáng tác hay dàn dựng chương trình mới do thiếu kinh phí. Điều này làm giảm sức hấp dẫn của hoạt động và chưa tạo được ảnh hưởng sâu rộng trong nhà trường như mục tiêu đề ra.

- Một số loại hình nghệ thuật truyền thống chưa được quan tâm đúng mức trong giáo dục nhà trường. Tại TP. HCM như chưa có bất kỳ chương trình giáo dục nghệ thuật múa dân gian dân tộc nào tại các trường học dù đây là loại hình mang giá trị văn hóa sâu sắc. Sự thiếu vắng này đặt ra nguy cơ nghệ thuật dân tộc bị lãng quên, đặc biệt khi phải cạnh tranh với các loại hình giải trí hiện đại. Điều này phản ánh sự mất cân đối trong định

hướng giáo dục nghệ thuật khi chưa có chiến lược bảo tồn giá trị truyền thống ngay từ môi trường học đường.

2.2.2. Hoạt động giáo dục nghệ thuật trong nhà trường trên thế giới

Xét trên phạm vi toàn cầu, giáo dục văn hoá – nghệ thuật ngày càng trở thành vấn đề được nhiều nước rất quan tâm, bàn luận sâu sắc và có tính tập thể. Đó là lý do vì sao UNESCO đã tổ chức Hội nghị toàn thế giới lần thứ nhất về Giáo dục nghệ thuật vào tháng 3 năm 2006 tại Lisbon (Bồ Đào Nha) và lần thứ 2 vào tháng 10 năm 2010 tại Seoul (Hàn Quốc).

Ở Nhật Bản, để phát hiện, bồi dưỡng và thu hút nguồn nhân lực sáng tạo văn hoá, Chính phủ Nhật đã đưa vào trong chương trình giáo dục phổ thông những nội dung giảng dạy về văn hoá – nghệ thuật truyền thống của dân tộc. Với chương trình này, trẻ em trong toàn nước Nhật ngay từ khi còn là học sinh mẫu giáo, tiểu học đã được học múa, học hát, học vẽ,... tùy theo năng khiếu của mỗi em. Học sinh bậc trung học trở lên đã có những khoá học theo sở thích, năng khiếu như đóng kịch, quay phim, chụp ảnh, đạo diễn. Thông qua đó, Nhật Bản đã phát hiện và kịp thời bồi dưỡng, đào tạo trở thành những nghệ sĩ chuyên nghiệp, tài năng. Họ đã có những đóng góp rất quan trọng trong việc bảo tồn, phát huy, phát triển các giá trị văn hoá mang màu sắc truyền thống nhưng cũng rất hiện đại của đất nước Nhật. Năm 1990, Nhật đã thành lập “Quỹ Hỗ trợ phát triển văn hoá nghệ thuật” với tổng số tiền là 60 tỷ yên. Quỹ này đã cấp vốn cho nhiều dự án, chương trình giáo dục nghệ thuật trong trường học (Phạm Hồng Thái và cộng sự, 2015, tr.99, 109).

Ở Hàn Quốc, năm 1972, sự ra đời của “Luật khuyến khích phát triển văn hoá nghệ thuật”. Đến năm 1973, Chính phủ Hàn Quốc đã ban hành “Kế hoạch cơ bản 5 năm đầu tiên cho phát triển văn hoá” từ năm 1974 – 1979. Tiếp đến năm 1974, Hàn Quốc ban hành “Kế hoạch phát triển văn hoá nghệ thuật 5 năm lần thứ nhất”. Những văn bản pháp quy trên đã đặt nền móng pháp lý cho các hoạt động giáo dục văn hoá – nghệ thuật được đưa vào trường học các cấp. Trong số 70% chi phí công cho lĩnh vực văn hoá để bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá dân gian và truyền thống, có một tỷ lệ đáng kể cho các chương trình giáo dục văn hoá – nghệ thuật dân tộc trong nhà trường ở nhiều cấp học khác nhau (Phạm Hồng Thái và cộng sự, 2015, tr.129-130).

Ở Anh Quốc, từ những năm 60 của thế kỷ trước đã thành lập một số tổ chức giáo dục nghệ thuật. Hiện nay, đất nước này có tới 78% đơn vị nghệ thuật nhận tài trợ của Chính phủ có tổ chức hoạt động giáo dục nghệ thuật. Thậm chí, hoạt động giáo dục nghệ thuật của các đơn vị này là một trong số những tiêu chí đặc biệt quan trọng để Chính phủ Anh xem xét và cấp tài trợ hàng năm (Phạm Bích Huyền, 2019, tr.30). Nhiều nhà hát đã chú trọng phát triển các chương trình giáo dục nghệ thuật như là một hoạt động truyền thông marketing. Các chương trình giáo dục nghệ thuật ở Anh thường đề cập đến các nội dung

cơ bản như: nghiên cứu kịch bản, thông qua các vở diễn thảo luận các vấn đề xã hội; thảo luận những thay đổi trong cộng đồng; thảo luận về lịch sử hay đặc điểm của cộng đồng; nghiên cứu sân khấu, âm nhạc, múa, opera,... Các hình thức giáo dục nghệ thuật phổ biến trong trường học ở Anh Quốc là: (1) Gắn với nội dung chương trình học tập chính quy của nhà trường. Với hình thức này, các nhà hát, các đoàn lưu diễn sẽ tổ chức biểu diễn tại trường học để phục vụ học sinh. Sau đó, nhà trường phối hợp với đơn vị tổ chức biểu diễn để tổ chức giao lưu, thảo luận giữa nghệ sĩ và học sinh. (2) Không gắn với nội dung chương trình học tập chính quy của trường mà chỉ là những hoạt động ngoại khoá. Hình thức này cũng được thực hiện tại không gian trường học, nhưng chủ thể thực hiện là những nghệ sĩ thuộc biên chế của nhà hát nào đó, hoặc có thể là các nhà sư phạm giáo dục nghệ thuật tự do nhưng được đào tạo bài bản, chuyên nghiệp. Mặt khác, tại các nhà hát ở Anh thường có Phòng giáo dục nghệ thuật. Nhân viên phòng này hàng tuần đến một số trường phổ thông trung học trong vùng để tổ chức những tiết học ngoại khoá về sân khấu cho các em học sinh yêu thích nghệ thuật. Việc tham gia này là hoàn toàn tự nguyện của học sinh. Những nhân viên này kỳ vọng rằng trong số 15 em tham gia chương trình này, chỉ cần có 2 - 3 em trở thành khán giả trung thành của sân khấu đã là thành công (Lê Thị Hoài Phương, 2019, tr.46 – 49).

Một quốc gia siêu cường như Hoa Kỳ, đặc biệt là mức độ phát triển của công nghiệp văn hoá – kinh tế văn hoá cũng rất quan tâm đến việc giáo dục nghệ thuật đối với người trẻ, trong đó trọng tâm là học sinh, sinh viên. Hoa Kỳ đã có những cơ chế, chính sách để cho ra đời và phát triển hoạt động của các tổ chức như Hội Giáo dục nghệ thuật quốc gia; Hiệp hội Sân khấu và Giáo dục Mỹ; Trung tâm Giáo dục nghệ thuật,... (Phạm Bích Huyền, 2017, tr.31).

Tóm lại, dù chưa có cơ hội để khảo cứu đầy đủ nội dung, cách thức thực hiện cũng như kết quả của những chương trình giáo dục nghệ thuật của nhiều nước trên thế giới. Nhưng với lịch sử phát triển thị trường văn hoá nghệ thuật trong nhiều thập niên có thể thấy giáo dục nghệ thuật đã trở thành nhiệm vụ trọng tâm cần phải thực hiện trong chiến lược bảo tồn, phát huy và phát triển các loại hình văn hoá – nghệ thuật truyền thống. Nhật, Hàn Quốc, Anh Quốc, Mỹ,... là những quốc gia điển hình về sự thành công trong việc thực hiện các chương trình giáo dục nghệ thuật trong trường học.

2.2.3. Đối chiếu hoạt động giáo dục nghệ thuật trong nhà trường ở Việt Nam và trên thế giới

Từ những kết quả nghiên cứu bước đầu về hoạt động giáo dục nghệ thuật trong nhà trường ở Việt Nam và trên thế giới, tác giả bài viết rút ra 05 khác biệt cơ bản sau:

- **Về chiến lược:** Các quốc gia như Nhật Bản, Hàn Quốc, Anh Quốc có chiến lược, chính sách quốc gia rõ ràng về giáo dục nghệ. Trong khi *Việt Nam* chưa có chiến lược lâu

dài, rõ ràng, thống nhất, đồng bộ trong hoạt động giáo dục nghệ thuật thống. Những hoạt động giáo dục nghệ thuật ở Việt Nam phần nhiều là được lồng ghép trong các kế hoạch, chương trình hoạt động văn hóa – giáo dục mang tính định hướng chung, các chương trình thường mang tính nhỏ lẻ nên hiệu quả chưa cao.

- **Về mức độ đầu tư nguồn lực: Các quốc gia như** Nhật Bản, Hàn Quốc, Anh Quốc có mức đầu tư mạnh về tài chính cho hoạt động giáo dục nghệ thuật. Ở Nhật Bản có “Quỹ Hỗ trợ phát triển văn hóa nghệ thuật”. Hàn Quốc ưu tiên ngân sách công cho giáo dục nghệ thuật. Trong khi đó ở Việt Nam, đầu tư cho hoạt động giáo dục nghệ thuật trong nhà trường ở các khía cạnh: cơ sở vật chất, nguồn nhân lực, công nghệ, sáng tạo nghệ thuật,... còn khá hạn chế, phụ thuộc chủ yếu vào ngân sách công từ Trung ương đến địa phương. Điều này góp phần giải thích vì sao các chương trình giáo dục nghệ thuật trong trường học ở Việt Nam thường bị gián đoạn, hoặc được tổ chức không đồng bộ giữa các địa phương với nhau.

- **Về tổ chức triển khai trong nhà trường:** Ở Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, giáo dục nghệ thuật được đưa vào chương trình chính khóa, hoặc các chương trình giáo dục mở rộng để phát triển kỹ năng, năng lực thẩm thấu nghệ thuật của học sinh; có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật và các đơn vị tư nhân. Trong khi đó ở Việt Nam, hoạt động giáo dục nghệ thuật chủ yếu được triển khai thực hiện dưới dạng biểu diễn phục vụ (chương trình sân khấu thiếu nhi, sân khấu học đường), hoặc các chương trình ngoại khóa ở một số trường.

- **Về mức độ chuyên nghiệp và sự tham gia của xã hội: Nhiều nước trên thế giới đã thành lập** phòng/bộ phận chuyên trách công tác giáo dục nghệ thuật trực thuộc các nhà hát và thu hút nhiều nghệ sĩ và chuyên gia giáo dục tham gia các chương trình này với những chính sách về thu nhập, thuế,... rất hấp dẫn. Trong ở Việt Nam, hoạt động giáo dục nghệ thuật trong trường học lại chủ yếu thực hiện theo chương trình “sân khấu thiếu nhi, sân khấu học đường” mà cơ quan nhà nước về văn hóa xây dựng, phân bổ xuất diễn xuống cho các đơn vị nghệ thuật công lập tự tổ chức theo từng quý với những định mức kinh phí cụ thể nhưng hạn chế. Mặt khác, những đơn vị nghệ thuật công lập ở Việt Nam hầu như không có bộ phận, đội ngũ chuyên trách về giáo dục nghệ thuật trong trường học.

- **Về kết quả và tác động xã hội:** Ở Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc hoạt động giáo dục nghệ thuật đã góp phần rất tích cực vào quá trình xây dựng, phát triển lực lượng khán giả tương lai công chúng nghệ thuật, nuôi dưỡng sáng tạo, bảo tồn văn hóa và phát triển công nghiệp văn hóa. Nhưng ở Việt Nam, những kết quả tương tự còn hạn chế. Minh chứng cho thực trạng này là tỷ lệ khán giả đến với nhiều loại hình nghệ thuật truyền thống ngày càng suy giảm. Một bộ phận không nhỏ trong giới trẻ ở Việt Nam hiểu sâu sắc các loại hình nghệ thuật đương đại được du nhập từ nước ngoài hơn so với các loại hình nghệ

thuật mang bản sắc văn hóa của dân tộc.

4. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam về tổ chức hoạt động giáo dục nghệ thuật trong nhà trường, trong đó có nghệ thuật dân gian dân tộc Kinh

Từ kết quả nghiên cứu cho thấy Việt Nam có thể học tập một số bài học kinh nghiệm để tổ chức các hoạt động giáo dục nghệ thuật trong trường học có kết quả tốt hơn sau đây:

- Cần xây dựng chiến lược và hệ thống chính sách rõ ràng, lâu dài và đồng bộ cho hoạt động giáo dục nghệ thuật trong trường học. Thực tiễn của Hàn Quốc, Nhật Bản chứng minh rằng hoạt động giáo dục nghệ thuật chỉ hiệu quả khi có khung pháp lý, chiến lược quốc gia và chương trình triển khai cụ thể trong hệ thống nhà trường.

- Thành lập “Quỹ Hỗ trợ phát triển văn hóa nghệ thuật” do Nhà nước quản lý, hoặc phân quyền cho các hiệp hội về văn hóa, nghệ thuật quốc gia để phục vụ cho các hoạt động giáo dục nghệ thuật. Nguồn quỹ này có cấu trúc 02 thành phần: ngân sách nhà nước và bảo trợ/tài trợ của các nguồn lực ngoài nhà nước. Tuy nhiên, để Quỹ này có thể hoạt động hiệu quả cao, Nhà nước cần có những quy định rõ ràng và thuận tiện cho các đơn vị nghệ thuật, các tổ chức hợp pháp tiếp cận và sử dụng quỹ vào các hoạt động giáo dục nghệ thuật.

- Thiết lập mối quan hệ gắn kết mật thiết giữa đơn vị nghệ thuật với nhà trường. Trong mối quan hệ đó, nhà trường cần xác lập quan điểm giáo dục nghệ thuật cho học sinh cũng là một thành tố hữu cơ không thể tách rời khỏi chương trình giáo dục tổng thể, xứ mạng, triết lý giáo dục của Nhà trường. Đối với các đơn vị nghệ thuật, bên cạnh tổ chức biểu diễn phục vụ khán giả, những đơn vị này cũng cần xem tổ chức giáo dục nghệ thuật đối với học sinh, sinh viên là một trong những nhiệm vụ để đảm bảo sự phát triển lâu dài của mình vì đó là cách để phát triển khán giả tương lai.

- Quan tâm công tác đào tạo đội ngũ nhân lực, bộ phận chuyên trách công tác giáo dục nghệ thuật tại các đơn vị nghệ thuật công lập. Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để đảm bảo sự thành công, phát triển lâu dài, bền vững của quá trình xây dựng và thực hiện các chiến lược phát triển giáo dục nghệ thuật ở tầm quốc gia, địa phương và giới hạn trong từng đơn vị nghệ thuật.

- Xây dựng chương trình giáo dục nghệ thuật đa dạng, phù hợp lứa tuổi học sinh từng cấp học. Vận dụng kinh nghiệm của các nước trên thế giới, kinh nghiệm thực tiễn của bản thân cũng như cơ sở lý luận về giáo dục nghệ thuật đối với trường hợp giáo dục nghệ thuật mùa dân gian dân tộc người Kinh đối với học sinh cấp 2, tác giả đề xuất quy trình 3 giai đoạn gồm 9 bước thực hiện cụ thể như sau.

Các bước-giai đoạn thực hiện	Các phương án thực hiện
Giai đoạn 1: Chuẩn bị	
Bước 1: Giới thiệu bối cảnh vùng miền và ý nghĩa văn hoá	Giáo viên giới thiệu khái quát cho học sinh nắm các đặc điểm tự nhiên, kinh tế, văn hóa của người Việt ở từng vùng, miền cụ thể trên lãnh thổ Việt Nam. Việc này giúp học sinh hiểu rằng các sản phẩm văn học nghệ thuật, trong đó có múa được ra đời từ thực tiễn cuộc sống, phản ánh chính thực tiễn cuộc sống và quay trở lại phục vụ đời sống thực tiễn của con người.
Bước 2: Lựa chọn và phân tích tác phẩm mẫu	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên lựa chọn tác phẩm phù hợp với phân tích nội dung, cấu trúc động tác, thông điệp. - Tiêu chí để lựa chọn tác phẩm là: phù hợp lứa tuổi, độ khó động tác, chứa các giá trị văn hoá phù hợp với văn hóa địa phương.
Bước 3: Giới thiệu âm nhạc, trang phục và đạo cụ	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên giải thích giai điệu, nhịp nhạc, nhạc cụ, trang phục; mối liên hệ giữa âm nhạc và múa, giữa âm nhạc với động tác,... - Giáo viên chiếu hình ảnh, video minh họa: giúp học sinh thấy được những đặc điểm và sự tương quan giữa trang phục, đạo cụ, nhạc cụ được sử dụng trong các bài múa dân gian dân tộc với các đặc điểm tự nhiên, kinh tế, văn hóa vùng miền của người Việt.
Giai đoạn 2: Thực hành và tương tác	
Bước 4: Hướng dẫn một số động tác cơ bản của nghệ thuật múa dân gian dân tộc Kinh.	Giáo viên hướng dẫn học sinh thực hành theo một số động tác cơ bản, dễ tập luyện nhưng mang màu sắc của hiện thực đời sống lao động như câu cá, soi đèn, đề thơ,... Đồng thời, giáo viên cũng giải thích rõ “yếu lĩnh động tác” để học sinh hiểu sâu hơn về nghệ thuật múa dân gian dân tộc.
Bước 5: Tổ chức tương tác chuyên môn đa chiều	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên mời những diễn viên múa chuyên nghiệp, nghệ sĩ trẻ đang nổi tiếng ở độ tuổi đến tham gia buổi tương tác về nghệ thuật múa đối với học sinh cấp 2. dịp này, những khách mời trực tiếp tương tác với học sinh thông qua đối thoại hỏi-trả lời.

	- Giáo viên cũng tương tác với học sinh thông qua đặt câu hỏi và học sinh phản hồi để đảm bảo rằng học sinh hiểu được sự tương quan giữa môi trường tự nhiên, văn hóa, kinh tế với các biểu đạt của nghệ thuật múa dân gian dân tộc Kinh thông qua các đặc điểm của trang phục, đạo cụ, nhạc cụ.
Bước 6: Thực hành với âm nhạc	Giáo viên hỗ trợ, hướng dẫn học sinh tập luyện động tác múa dân gian dân tộc đã học nhuần nhuyễn, thuần thục, mượt mà hơn. Ở bước này, sau khi động tác múa của học sinh đã thuần thục, giáo viên ráp nhạc vào từng động tác múa và tiếp tục cho học sinh tập động tác múa với âm nhạc.
Bước 7: Xây dựng bài thi/ báo cáo	Từng động tác múa đã thuần thục, giáo viên giúp học sinh tổ hợp nhỏ động tác. Tiếp đến, giáo viên hướng dẫn học sinh tổ hợp lớn hơn và phát triển thành một bài múa báo cáo thi.
Giai đoạn 3: Đánh giá	
Bước 8: Báo cáo-đánh giá kết quả học tập	Cuối mỗi học kỳ, giáo viên phối hợp với nhà trường tổ chức chương trình biểu diễn báo cáo kết quả học múa dân gian dân tộc Kinh của học sinh.
Bước 9: Phản hồi, tổng kết, rút kinh nghiệm, lưu giữ	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên đưa ra những đánh giá về kết quả học tập của học sinh. - Giáo viên mời những nghệ sĩ múa tham gia đánh giá, phản hồi về kết quả học tập của học sinh. - Giáo viên tổ chức họp chuyên môn và họp với học sinh, đại diện nhà trường để rút kinh nghiệm. - Nhà trường, giáo viên thực hiện lưu trữ kết quả học tập bằng bảng giấy, hình ảnh, video.

Một số điều kiện khác để đảm bảo kết quả dạy múa dân gian dân tộc cho học sinh cấp 2 tốt hơn là:

- Số lượng học sinh tối đa cho mỗi buổi học là 20 học sinh
- Thời lượng học tối đa trong một buổi học là 90 phút
- Thời gian kết thúc một đợt học: Trong 1 học kỳ

- Cần có sự hỗ trợ tốt của các phương tiện kỹ thuật như: máy chiếu, âm thanh, ánh sáng, sàn gỗ tập múa, kính và thanh vịn chuyên dụng để tập múa.

- Học sinh cần tích cực tập luyện những động tác cơ bản mà giáo viên đã dạy.

Trong bối cảnh đất nước ta đã – đang và tiếp tục mở cửa một cách đầy đủ, toàn diện các lĩnh vực kinh tế – văn hoá – xã hội với cộng đồng quốc tế, Việt Nam có rất nhiều cơ hội thuận lợi để thúc đẩy việc trao đổi, học hỏi kinh nghiệm của các nước đi trước về xây dựng và tổ chức các hoạt động giáo dục nghệ thuật, cũng như triển khai các phương án, giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể của dân tộc. Quy trình 9 bước - 3 giai đoạn để dạy múa dân gian dân tộc Kinh trong trường học cấp 2 mà tác giả bài viết đề xuất là một trong những giải pháp cần được xem xét và triển khai trong thực tế.

3. KẾT LUẬN

Nghệ thuật múa dân gian dân tộc ở Việt Nam dù không thuộc nhóm nghệ thuật truyền thống dễ bị tổn thương, cũng chưa rơi vào trạng thái mai một đáng báo động như nhiều loại hình nghệ thuật truyền thống khác. Nhưng thực tế cũng có nhiều dấu hiệu đáng lo ngại từ xu hướng thị yếu của công chúng. Hơn nữa, do nhu cầu của thị trường giải trí hiện nay phần đông chuộng những sản phẩm kiểu “mì ăn liền”, nên một lực lượng nghệ sĩ múa có xu hướng sáng tác – sáng tạo nên những tác phẩm thiếu chiều sâu của nội dung và tư tưởng nghệ thuật để đáp ứng yêu cầu của thị trường, nhất là các hình thức múa minh họa, phụ họa. Ở khía cạnh đào tạo, số lượng học sinh, học viên, sinh viên chọn múa dân gian dân tộc để đào sâu nghiên cứu, tìm tòi và xây dựng thương hiệu nghề nghiệp của bản thân không nhiều. Tất cả những thực trạng trên mà tôi đúc kết được từ thực tiễn nghề nghiệp của bản thân đã cho phép chúng ta có thể dự báo một tương lai gần không mấy sáng sủa của nghệ thuật múa dân gian dân tộc nói chung, nghệ thuật múa dân gian dân tộc Kinh nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Bích Huyền (2017), *Hoạt động giáo dục nghệ thuật của các đơn vị nghệ thuật biểu diễn quốc gia*, NXB. Thế giới.
2. Lê Thị Hoài Phương (2019), *Văn hoá nghệ thuật Việt Nam: đổi mới và hội nhập*. NXB. Sân khấu.
3. Nguyễn Hồ Phong (2022), *Phát triển khán giả sân khấu Cải lương tại Thành phố Hồ Chí Minh (Nghiên cứu trường hợp Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang)*, Luận án Tiến sĩ ngành Quản lý văn hoá, Viện VH, NT, TT & DL Việt Nam.
4. Sở VH & TT TP. HCM (2020), *Kế hoạch liên tịch số 5644/KHLT-SVHTT-SDL về Biểu diễn nghệ thuật truyền thống phục vụ hoạt động du lịch tại Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn 2020 – 2021*.
5. Sở VH & TT TP. HCM (2020), *Kế hoạch số 3442/KH-SVHTT về Hoạt động biểu diễn phục vụ thiếu nhi năm 2020 trên địa bàn Tp.HCM*.

6. Phạm Hồng Thái (Chủ biên) (2015), *Sự phát triển của công nghiệp văn hoá ở Nhật Bản và Hàn Quốc*, NXB. Khoa học Xã hội.
7. UBND TP. HCM (2015), *Quyết định số 815/QĐ-UBND Về Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện chiến lược phát triển bền vững Việt Nam trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020*.
8. UBND TP. HCM (2015), *Quyết định số 5338/QĐ-UBND về Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 45-CTr/TU ngày 21/6/2015 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW Hội nghị lần thứ chín Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*.

**ARTS EDUCATION IN SCHOOLS THEORETICAL FOUNDATIONS,
INTERNATIONAL EXPERIENCE, AND PROPOSALS FOR KINH ETHNIC FOLK
DANCE IN VIETNAM**

Huynh Hong Diem

Abstract: *This paper examines the theoretical and practical foundations as well as international experiences of arts education in schools to propose strategies for teaching traditional Kinh ethnic folk dance in Vietnam. The author argues that arts education has become increasingly essential in the context of declining audiences for traditional art forms. Arts education is approached through two perspectives: education about the arts and education through the arts, with core functions encompassing cognitive development, moral education, and aesthetic appreciation. The study outlines the current state of arts education in Vietnam based on the activities of public theaters in Hanoi and Ho Chi Minh City. Some school-based theater programs have been initially implemented, providing students with opportunities to engage with traditional performing arts. However, arts education remains fragmented, lacking long-term strategic planning, constrained by limited funding, and without dedicated programs for ethnic folk dance within schools. By comparing experiences from countries such as Japan, South Korea, the United Kingdom, and the United States, the paper highlights differences in strategy, investment, and implementation. Based on these insights, the study draws five lessons and proposes a three-phase, nine-step framework for teaching Kinh ethnic folk dance in lower secondary schools, thereby contributing to the preservation and promotion of national cultural values.*

Keywords: *folk; ethnic; arts education; folk dance.*

*(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 28-8-2025; ngày phản biện đánh giá: 10-9-2025;
ngày chấp nhận đăng: 22-9-2025)*